

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày 05/5/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thám;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trình Đăng K, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà B có mặt, ông K vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 16/01/2023. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 04/8/2018 âm lịch tôi có cho vợ chồng anh Trình Đăng K, chị Nguyễn Thị B vay 30.000.000đ và 06 chỉ vàng 980, thời hạn vay là 01 năm. Vợ chồng chị B, anh K nói là vay tiền để mua xe độ chạy. Vợ chồng chị B đã trả nợ nhiều lần, tổng cộng số tiền đã trả là 14.200.000đ, số tiền còn nợ là 15.800.000đ và 06 chỉ vàng 980. Sau đó vợ chồng chị B xây nhà, làm hàng rào, làm sân nhưng vẫn không trả tiền cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị B, anh K phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 15.800.000đ và 06 chỉ vàng 980.

2. Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có vay và hiện nay còn nợ chị Nguyễn Thị L số tiền là 15.800.000đ và 06 chỉ vàng 980. Tuy nhiên hiện nay gia đình tôi rất khó khăn, mất tôi bị mờ không làm gì được, tôi chỉ ở nhà nội trợ, nuôi heo nên không có thu nhập. Tôi xin được trả số tiền, vàng còn nợ trong thời gian 05 năm.

3. Lời khai có tại hồ sơ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần C thể hiện: Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị L, vào ngày 04/8/2018 âm lịch vợ chồng tôi có cho vợ chồng anh Trình Đăng K, chị Nguyễn Thị B vay 30.000.000đ và 06 chỉ vàng 9T8. Cụ thể việc viết giấy và đưa tiền, vàng là do vợ tôi trực tiếp đưa chứ tôi không biết. Sau này vợ chồng anh K, chị B trả bao nhiêu và còn nợ bao nhiêu thì vợ tôi biết chứ tôi không biết rõ. Tôi đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng anh K, chị B phải số tiền còn nợ là 15.800.000đ và 06 chỉ vàng 980.

4. Bị đơn anh Trình Đăng K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày được ý kiến của mình về nội dung vụ án.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trình Đăng K và bà Nguyễn Thị B phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 15.800.000đ và 06 chỉ vàng 980. Ông K, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Trình Đăng K, địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, phải trả tiền, vàng còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn ông Trình Đăng K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông K.

[3] Căn cứ vào giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các bên thì xác định thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay không có thời hạn và không có lãi. Bà L đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà B, ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về số tiền, vàng còn nợ: Bà L, bà B đều thống nhất vào ngày 04/8/2018 âm lịch, tức ngày 13/9/2018, bà L cho vợ chồng bà B, ông K vay 30.000.000đ và 06 chỉ vàng 980, bà B, ông K đã trả 14.200.000đ nên còn nợ lại 15.800.000đ và 06 chỉ vàng 980.

[5] Về thời hạn trả và phương thức trả: Bà B yêu cầu kéo dài thời gian trả nợ. Yêu cầu của bà B không được bà L chấp nhận do vậy cần buộc bà B, ông K phải liên đới trả cho bà L một lần số tiền, vàng còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Trình Đăng K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận là $(15.800.000đ + (5.460.000đ/1 \text{ chỉ} \times 6\text{chỉ})) \times 5\% = 2.428.000đ$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Trình Đăng K phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền, vàng còn nợ từ hợp đồng vay là 15.800.000đ (*Mười lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*) và 06 (*sáu*) chỉ vàng 980.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (không phải chịu lãi đối với số vàng phải thi hành án) theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B và ông Trình Đăng K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.428.000đ (*hai triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.220.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006503 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B và ông Trần C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 05/5/2023. Ông Trình Đăng K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo